

MARTIN J. R., ENGLISH TEXT - SYSTEM AND STRUCTURE, PHILADELPHIA, 1992. CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ VỚI VAI TRÒ KẾT NỐI CÁC ĐƠN VỊ CỦA VĂN BẢN

Nguyễn Tú Quyên *

1. Đặt vấn đề

Liên kết (cohesion) và mạch lạc (coherence) là những thuật ngữ công cụ được sử dụng phổ biến trong phân tích văn bản. Chúng giúp lý giải vì sao câu này lại có mối quan hệ với câu kia để cùng đạt đến đích là quá trình trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe được thông đạt.

Để tạo nên tính liên kết và mạch lạc trong một văn bản, có thể dùng nhiều cách thức cũng như các phương tiện ngôn ngữ khác nhau trong đó có việc sử dụng các biểu thức đồng sở chỉ. Bài viết này muốn chỉ ra vai trò của các biểu thức này ở phương diện kết nối các đơn vị của văn bản như vậy.

2. Vai trò kết nối các đơn vị của văn bản của các biểu thức đồng sở chỉ

2.1. Kết nối hình thức

Trong văn bản, giữa các câu luôn có những sợi dây liên hệ một cách chặt chẽ. “Những sợi dây này kéo dài từ câu nọ sang câu kia nhiều đến nỗi tạo nên một mạng lưới dày đặc (...), trong đó mỗi câu riêng biệt gắn bó chặt chẽ với những câu còn lại” (dẫn theo [9,13]). Hiện tượng này được gọi là tính liên kết. Để có được tính liên kết trong văn bản, người ta sử dụng nhiều phương thức khác nhau và một trong những phương thức được sử dụng phổ biến chính là phương thức thế (phép thế).

Trong tác phẩm văn học, các biểu thức đồng sở chỉ chính là những phương tiện của phương thức thế (tức là, chúng là các phương tiện ngôn ngữ được dùng để thực hiện phép thế). Chúng tôi gọi việc sử dụng các biểu thức đồng sở chỉ để liên kết các câu là phép thế đồng sở chỉ.

a. Khái niệm phép thế đồng sở chỉ

Xin xem xét ví dụ dưới đây:

(1) “Ngay trong buổi sáng đầu tiên đó, giữa các nữ nhân viên quân y, tôi nhận ra người đàn bà đã xuất hiện trước cửa sổ lúc nửa đêm. Tôi nhận ra được có lẽ trước

* Đại học Thái Nguyên.

hết bằng giọng nói. Tất nhiên, tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra được **người đàn bà đó.**” [NNL2, 110]

Trong ví dụ (1), có thể nhận thấy *người đàn bà đã xuất hiện trước cửa sổ lúc nửa đêm* và *người đàn bà đó* là những biểu thức ngôn ngữ khác nhau nhưng cùng được dùng để quy chiếu một đối tượng – nhân vật Quỳ. Giá trị của biểu thức *người đàn bà đó* ở chỗ: nó thay thế cho biểu thức *người đàn bà đã xuất hiện trước cửa sổ lúc nửa đêm* để tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn. Việc thay thế các biểu thức ngôn ngữ khác nhau nhưng có chung nghĩa sở chỉ như vậy được gọi là phép thế đồng sở chỉ.

Vậy, phép thế đồng sở chỉ là phép liên kết dùng các từ ngữ khác nhau nhưng có ý nghĩa cùng chỉ một đối tượng để liên kết văn bản.

Ở đây, cần phải nói thêm rằng, hai tác giả Halliday M.A.K trong [5, 505] và Diệp Quang Ban trong [1, 186] đã phân biệt phép thế và phép quy chiếu. Tác giả Diệp Quang Ban chỉ rõ rằng: “Phép thế khác phép quy chiếu ở chỗ căn cứ để nhận biết của phép thế là từ ngữ, còn căn cứ để nhận biết phép quy chiếu là nghĩa” [1, 186]. Riêng với phép thế đồng sở chỉ và phép quy chiếu trong văn bản, sự phân biệt này rất khó rạch ròi. Lý do là vì trong phép thế đồng sở chỉ và phép quy chiếu với văn bản, đối tượng được đề cập đến trong các yếu tố liên kết chỉ là một. Tác giả Diệp Quang Ban cũng thừa nhận: “Tuy nhiên, có những trường hợp có thể vừa coi là thuộc phép thế, vừa coi là thuộc phép quy chiếu” [1, 186]. Ở đây, để thuận lợi cho việc tìm hiểu vai trò của các biểu thức đồng sở chỉ với tư cách là các phương tiện liên kết văn bản, chúng tôi sẽ nhập hai phép liên kết (phép thế đồng sở chỉ và phép quy chiếu với văn bản) làm một.

Hai yếu tố liên kết trong phép quy chiếu với văn bản được tác giả Diệp Quang Ban gọi là yếu tố *giải thích* và yếu tố *được giải thích*. Chúng tôi theo các tác giả G. M Green, G. Yule, Đỗ Hữu Châu trong [3, 372 - 375] gọi hai yếu tố này là yếu tố tiền thể (biểu thức tiền thể) và yếu tố thay thế (biểu thức thay thế).

b. Phân loại phép thế đồng sở chỉ

Có nhiều tiêu chí để phân loại phép thế đồng sở chỉ. Ở đây, chúng tôi phân loại phép thế này dựa trên hai tiêu chí: đặc điểm cấu tạo và tính ổn định về mặt nghĩa giữa hai yếu tố liên kết.

- Phân loại phép thế đồng sở chỉ căn cứ vào đặc điểm cấu tạo của hai yếu tố liên kết

Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo của hai yếu tố liên kết, có thể chia phép thế đồng sở chỉ ra thành hai nhóm: nhóm cả hai yếu tố liên kết là *từ* và nhóm có ít nhất một yếu tố liên kết là *cụm từ*.

+ Nhóm cả hai yếu tố liên kết là *từ*

Chẳng hạn:

(2) “Thật khó ngờ **Hương** lại phải đến làm việc ở nơi “xó rừng” này. **Cô** nghĩ, ra trường sẽ được phân công về bưu điện thành phố hoặc ít ra cũng ở một phòng bưu điện huyện nào đó”. [NNL4, 88]

Trong ví dụ trên, biểu thức *cô* được dùng để thay thế cho biểu thức *Hương* để tạo nên sự liên kết giữa hai câu. Xét về mặt cấu tạo, có thể nhận thấy hai yếu tố liên kết này đều có cấu tạo là *từ*.

- Nhóm có ít nhất một yếu tố liên kết là *cụm từ*

Chẳng hạn:

(3) “**Người đàn bà** nhận được ra tôi ngay. **Mụ** nhấp nhồm xoay mình trên chiếc ghế như bị kiến đốt...” [NNL3, 264]

Hai câu trong ví dụ (3) được liên kết chặt chẽ với nhau nhờ sự xuất hiện của hai yếu tố liên kết: *người đàn bà* và *mụ*. Có thể nhận thấy ở hai yếu tố liên kết này, một yếu tố có cấu tạo là cụm từ (*người đàn bà*), một yếu tố có cấu tạo là từ (*mụ*).

Hay:

(4) “Mấy tháng trước, cô có nhận được thư của **anh chàng người yêu cũ**. **Anh ta** đổ tất cả lỗi lên đầu Hương”. [NNL4, 96]

Anh chàng người yêu cũ và *anh ta* cũng là hai yếu tố liên kết của phép thế đồng sở chỉ. Xét về mặt cấu tạo, cả hai yếu tố liên kết ở đây đều là cụm từ.

- *Phân loại phép thế đồng sở chỉ căn cứ vào tính ổn định về mặt nghĩa giữa hai yếu tố liên kết*

Căn cứ vào mối quan hệ về mặt ngữ nghĩa hai yếu tố liên kết, phép thế đồng sở chỉ cũng được chia thành hai nhóm: nhóm phép thế đồng sở chỉ có sự đồng nhất về nghĩa và nhóm phép thế đồng sở chỉ không có nghĩa sự đồng nhất về nghĩa.

+ Nhóm phép thế đồng sở chỉ có sự đồng nhất về nghĩa

Đây là kiểu phép thế mà giữa hai yếu tố liên kết có phần lớn nét nghĩa đồng nhất với nhau và không chứa nét nghĩa đối lập. Như vậy, có thể coi hai yếu tố liên kết này có mối quan hệ đồng nghĩa.

Chẳng hạn:

(5) “Tôi bước về phía nó. Nhưng **thằng bé** không cho tôi lại gần. Tự nhiên **thằng nhỏ** vô cớ đâm ra thù ghét cả tôi...” [NNL3, 259]

Có thể nhận thấy trong ví dụ (5), hai yếu tố liên kết *thằng bé* và *thằng nhỏ* có các nét nghĩa đồng nhất với nhau. Điều này được thể hiện như sau:

Thằng bé	Thằng nhỏ
- Có nghĩa chỉ từng cá thể	- Có nghĩa chỉ từng cá thể
- Con trai	- Con trai
- Còn trẻ, ít tuổi	- Còn trẻ, ít tuổi

- Nhóm phép thế đồng sở chỉ không có sự đồng nhất về nghĩa

Người khách và *anh* trong ví dụ (6) dưới đây là hai yếu tố liên kết trong phép thế đồng sở chỉ nhưng không có sự đồng nhất về nghĩa.

(6) “**Người khách** ngập ngừng không muốn nói thêm. **Anh** bỗng ngỡ nhìn vào cặp mắt đang mở thao láo của cô nhân viên bưu điện trẻ.” [NNL4, 94]

Người khách được dùng để chỉ “người từ nơi khác đến với tính cách xã giao, trong quan hệ với người đón tiếp, tiếp nhận” [8, 471]. *Anh* được dùng để “chỉ hoặc gọi người đàn ông còn trẻ, hay là dùng để gọi người đàn ông cùng tuổi hoặc vai anh mình” [8, 6].

Sự khác biệt về nghĩa giữa hai yếu tố liên kết còn thể hiện ở chỗ, có yếu tố liên kết có nghĩa miêu tả, có yếu tố liên kết có nghĩa phi miêu tả. Chẳng hạn:

(7) “**Chú bé** hay đến nhà Tư vào các buổi chiều. Có hôm **nó** ăn cơm cùng vợ chồng Tư...” [5, 178]

Trong ví dụ (7), yếu tố *chú bé* có nghĩa miêu tả, yếu tố *nó* có nghĩa phi miêu tả.

c. Các hướng liên kết trong phép thế đồng sở chỉ

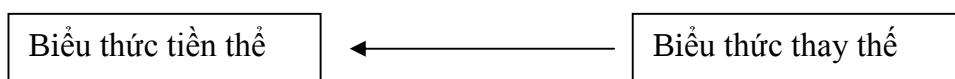
Để có thể nối kết các câu trong văn bản, có hai hướng liên kết giữa các yếu tố trong phép thế đồng sở chỉ, đó là liên kết hồi chỉ (anaphoric) và liên kết khứ chỉ (cataphoric).

- Liên kết hồi chỉ

Liên kết hồi chỉ là hướng liên kết mà yếu tố thay thế được dùng để thay thế cho yếu tố tiền thể xuất hiện ở trước nó.

Sơ đồ 1. Hướng liên kết hồi chỉ trong phép thế đồng sở chỉ

Hướng liên kết



Ví dụ:

(8) “**Hương** cẩn thận cho tập giấy vào bì đựng. **Cô** bỗng thấy có cảm tình với người khách đầu tiên.” [4,93]

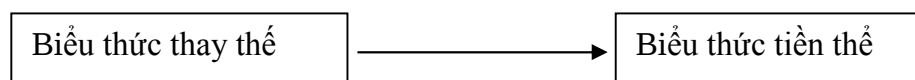
Biểu thức *cô* được dùng để thay thế biểu thức *Hương* xuất hiện ở đằng trước.

+ Liên kết khứ chỉ

Liên kết khứ chỉ là hướng liên kết mà yếu tố thay thế được dùng để thay thế cho yếu tố tiền thể xuất hiện ở sau nó.

Sơ đồ 2. Hướng liên kết khứ chỉ trong phép thế đồng sở chỉ

Hướng liên kết



Chẳng hạn:

(9) “Tôi bước về phía **nó**. Nhưng **thằng bé** không cho tôi lại gần”. [3, 259]

Trong ví dụ (9), biểu thức *nó* lại được dùng để thay thế cho biểu thức *thằng bé* xuất hiện đằng sau.

Tóm lại, một văn bản chỉ được coi là thống nhất, hoàn chỉnh khi các yếu tố cấu thành nên nó có sự dính kết chặt chẽ với nhau. Và để tạo nên sự dính kết này có vai trò không nhỏ của các biểu thức đồng sở chỉ mà ở đây chúng tôi gọi là phép thế đồng sở chỉ. Phép thế đồng sở chỉ không chỉ giúp cho sự kết nối về mặt hình thức mà còn là cơ sở cho sự kết nối về mặt nội dung trong một văn bản.

2.2. Kết nối nội dung

Một sản phẩm ngôn ngữ muốn trở thành văn bản điển hình, bên cạnh sự kết nối về mặt hình thức còn phải có sự kết nối về mặt nội dung. Biểu hiện của sự kết nối về nội dung của văn bản chính là tính mạch lạc.

“Mạch lạc trong văn bản là hiện tượng có vẻ như vừa có phần thực lại vừa có phần hư: có chỗ có thể vạch ra nó một cách rạch ròi lại cũng có chỗ khó nắm bắt vì sự tinh tế và tính phức tạp của hiện tượng” [1, 73]. Nhận định này đã cho thấy tính phức tạp của hiện tượng mạch lạc. Tuy nhiên, trong việc sử dụng các biểu thức đồng sở chỉ, có thể nhận thấy các biểu thức này có vai trò thể hiện mạch lạc như sau:

a. Duy trì đề tài

Tính thống nhất về đề tài luôn là yêu cầu quan trọng được đặt ra đối với một văn bản điển hình. Và để duy trì đề tài, các câu trong văn bản phải lặp lại một vật, một việc hay một hiện tượng nào đó.

Ví dụ:

(10) “**Đứa con gái** trạc 14, 15 tuổi. Đây là trông vóc người và mái tóc xõa ngang vai – chứ cũng có thể con gái vùng biển ở các vóc dáng ấy, chỉ mới 12, 13. Nó mềm mại và nhanh như một con vượn đen tuyền trong bộ quần áo đen ướt rượt bỏ sát mình. Trên đôi cẳng rám nắng, **con bé** chạy như bay về chỗ thằng Phác”. [NNL3, 260]

Trong ví dụ (10), đề tài đã được duy trì thông qua việc mỗi câu đều đề cập đến một đối tượng dưới những hình thức ngôn ngữ khác nhau, đó là *đứa con gái* – *nó* – *con bé*. Các hình thức ngôn ngữ này chính là các biểu thức đồng sở chỉ.

Một ví dụ khác:

(11) “Lúc **bà cụ già** ngẩng lên, tôi mới biết đó là một người lòa. Nghe tiếng chân của tôi bước vào, **bà cụ** cầm chiếc chổi ngẩng lên, từ từ hướng cặp mắt trắng đục về phía tôi. Tôi nhận thấy một nét rạng rỡ, hoan hỉ đang từ từ lan ra trên khuôn mặt **bà**.” [NNL1, 96]

Bà cụ già, *bà cụ*, *bà* trong ví dụ trên là các biểu thức đồng sở chỉ. Sự xuất hiện của mỗi biểu thức ở những câu khác nhau đã tạo nên tính thống nhất về đề tài, giúp duy trì đề tài cho văn bản.

b. Triển khai đề tài

Bên cạnh việc duy trì đề tài, các biểu thức đồng sở chỉ còn có vai trò triển khai đề tài. Điều này thể hiện ở chỗ, mỗi biểu thức được thay thế về sau có giá trị cung cấp thêm những thông tin về nhân vật, nhờ đó mà đề tài được phát triển. Ví dụ:

(12) “Nghe nhắc đến cảnh tra tấn đó, hấn toát mồ hôi, hấn ngược nhìn **cô gái nhỏ** và lắp bắp nói:

- Nhận ... nhận đi cháu! Hấn vừa nói thì một chuyện bất ngờ không ai đón được. **Cô gái nhỏ mười sáu tuổi ấy**, tóc đang rũ xuống, bồng hất tóc ra sau vai và nói như nghiêng:

- Chú Hai! Chú sợ chết hả! Chú hãy nhìn tôi đây này.

Đứa cháu gái thè lưỡi, mắt long lên, đưa quả đấm đánh vào cằm mình.” [NNL6, 56]

Trong ví dụ trên, việc thay thế biểu thức *cô gái nhỏ* bằng biểu thức *cô gái nhỏ mười sáu tuổi ấy* đã có tác dụng triển khai đề tài. Có thể nhận thấy thông tin *mười sáu tuổi* mà biểu thức đem lại không chỉ đơn giản là cung cấp cho người nghe một đặc điểm về nhân vật. Đằng sau thông tin ấy, tác giả muốn khẳng định sự dũng cảm của một cô gái còn rất trẻ tuổi khi ngay sau đó cô “đưa quả đấm đánh vào cằm mình”. Như vậy, tác giả đã dựa vào thông tin mà biểu thức vừa cung cấp để phát triển đề tài ở mức cao hơn.

Hay:

(13) “Lời nói của **người đàn bà có duyên** vẫn còn đôi chút hiệu lực.”[NNL7,56]

Biểu thức *người đàn bà có duyên* được dùng để quy chiếu nhân vật chị Dậu trong ví dụ (13) đã có giá trị cung cấp thông tin về hình thức của nhân vật, đó là một người phụ nữ có vẻ đẹp đảm thắm. Từ việc tiếp nhận được thông tin này, người nghe (đọc) mới lý giải được vì sao ở cuối truyện, chị Dậu bị quan phủ có ý định cưỡng bức. Rõ ràng, nếu không có hình thức ưa nhìn như vậy, chị Dậu sẽ không thể lọt vào cặp mắt đầy dục vọng của quan phủ và không thể bị giải lên trên huyện. Điều này có nghĩa, biểu thức *người đàn bà có duyên* đã góp phần vào việc triển khai đề tài trong tác phẩm.

c. *Tạo nên sự logic trong trình tự xuất hiện các đơn vị ngôn ngữ*

Ngôn ngữ có tính hình tuyến. Tính hình tuyến này thể hiện ở trật tự sắp xếp trước sau của các đơn vị ngôn ngữ trong dòng ngữ lưu.

Chẳng hạn, ta có các đơn vị ngôn ngữ *mặt trời, phía Đông, mọc*. Để tạo nên một câu hoàn chỉnh, trật tự sắp xếp của các đơn vị trên phải là *Mặt trời mọc phía Đông*.

Trong văn bản, các biểu thức đồng sở chỉ mặc dù có chung đối tượng được quy chiếu song không phải lúc nào chúng cũng thay thế được cho nhau. Nhiều trường hợp, sự xuất hiện của các biểu thức này phải theo một trật tự logic nhất định, không thể thay đổi. Chẳng hạn:

(14) “Đã từng ở với nhau lâu, tôi còn lạ gì tính nết của **bác sỹ Thương**. **Anh ấy** có thể chết để cho thương binh sống” [NNL2, 164]

Bác sỹ Thương và *anh ấy* trong ví dụ (14) cùng có giá trị quy chiếu một đối tượng cụ thể - nhân vật *Thương*. Do vậy, đây là hai biểu thức có quan hệ đồng sở chỉ. Trong ví dụ này, trình tự xuất hiện của hai biểu thức có tính chất cố định: biểu thức *bác sỹ Thương* xuất hiện trước, biểu thức *anh ấy* xuất hiện sau. Nếu trật tự này thay đổi, tính mạch lạc giữa các câu trong đoạn sẽ bị phá vỡ. Có thể dùng phép hoán đổi vị trí của hai biểu thức để thấy rõ điều này:

(15) “Đã từng ở với nhau lâu, tôi còn lạ gì tính nết của **anh ấy**. **Bác sỹ Thương** có thể chết để cho thương binh sống.”

Rõ ràng, biểu thức *anh ấy* không thể xuất hiện trước biểu thức *bác sỹ Thương* bởi trong biểu thức này có sự xuất hiện của một đại từ chỉ định có giá trị thay thế cho một yếu tố nào đó xuất hiện trước nó.

Có hai căn cứ chi phối đến trình tự xuất hiện của các biểu thức đồng sở chỉ, đó là căn cứ về mặt hình thức và căn cứ về mặt nghĩa.

- Căn cứ về mặt hình thức:

Về mặt hình thức, có những biểu thức mà cấu tạo của nó chi phối đến sự xuất hiện trước sau các biểu thức khác trong văn bản.

Ví dụ:

(16) “Hơn một tháng qua đi, ngày nào Hương cũng ngóng “**người khách đầu tiên**” mà không thấy. Cô buồn. Ô! Kia rồi, **anh ấy** đang bước đến.” [NNL4, 93]

Người khách đầu tiên và *anh ấy* trong ví dụ (16) là hai biểu thức có quan hệ đồng sở chỉ. Xét về mặt nghĩa, hai biểu thức này có thể thay thế cho nhau do chúng cùng chỉ một đối tượng cụ thể - nhân vật Tuyền. Tuy nhiên, lý do làm cho biểu thức *anh ấy* không thể xuất hiện trước biểu thức *người khách đầu tiên* là vì cũng như ở ví dụ (16), xét về phương diện cấu tạo, trong biểu thức *anh ấy* có chứa đại từ chỉ định *ấy*. Giá trị của đại từ này là thay thế một yếu tố ngôn ngữ xuất hiện trước nó. Do vậy, theo trình tự diễn đạt, biểu thức *người khách đầu tiên* phải xuất hiện trước biểu thức *anh ấy*.

Hay:

(17) “**Hải** vừa nói vừa móc túi lấy ra một tập giấy đưa cho Thái Vân. Đây là bản lý lịch và bản tự kể chuyện của **anh ta**.” [NNL8, 149]

Trong ví dụ (17), biểu thức *anh ta* cũng có giá trị thay thế cho một biểu thức xuất hiện trước, do vậy theo trình tự, biểu thức này phải đứng sau biểu thức *Hải*.

- Căn cứ về mặt nghĩa:

Liên quan đến trình tự xuất hiện của các biểu thức đồng sở chỉ, về mặt nghĩa, có thể xảy ra hai trường hợp:

Thứ nhất: Biểu thức nào có nghĩa sở chỉ không xác định sẽ xuất hiện trước, biểu thức nào có nghĩa sở chỉ xác định sẽ xuất hiện sau. Sự sắp xếp này tuân theo trình tự logic đi từ cái trừu tượng đến cái cụ thể. Chẳng hạn:

(18) “Một hôm, trong nhà tù, có **một tên phản bội** đã khai ra một cô gái mười sáu tuổi, cô làm liên lạc riêng cho **hắn ta**, gọi **hắn ta** bằng chú”. [NNL6, 55]

Một tên phản bội và *hắn ta* là hai biểu thức có quan hệ đồng sở chỉ. Có thể nhận thấy trong hai biểu thức này, biểu thức *một tên phản bội* có nghĩa sở chỉ không xác định. Nó được dùng để quy chiếu đến một đối tượng chưa biết đối với người nghe. Chính vì thế, đây là biểu thức có giá trị dẫn nhập. Sau biểu thức này, đối tượng đã được người nghe tiếp nhận, do vậy, biểu thức *hắn ta* xuất hiện sau sẽ không làm cho người nghe cảm thấy lúng túng trong việc hiểu nghĩa sở chỉ của biểu thức. Đây chính là lý do mà vì sao biểu thức *một tên phản bội* luôn luôn phải xuất hiện trước biểu thức *hắn ta*.

Thứ hai: Đối với các biểu thức đã xác định, biểu thức nào nhanh chóng giúp người nghe xác định đối tượng được quy chiếu sẽ đứng trước, biểu thức nào làm người nghe xác định đối tượng được quy chiếu chậm hơn sẽ đứng sau.

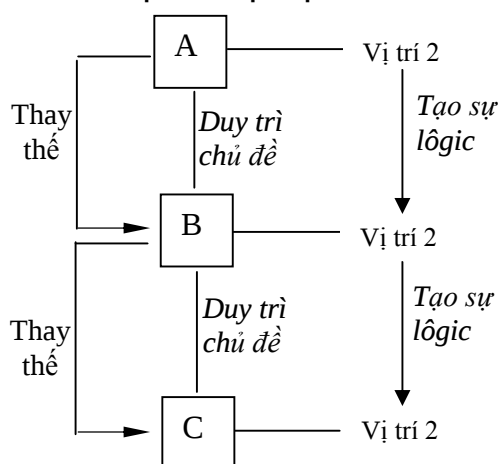
Ví dụ:

(19) “**Hương** đứng trơ trẽn vệ cỏ, tai ù lên. Sực nhớ, **cô** nhào **hắn** người về phía trước, kêu to, giọng lạc **hắn** đi”. [NNL4, 100]

Hương và *cô* trong ví dụ (19) cũng là hai biểu thức có quan hệ đồng sở chỉ. Biểu thức *Hương* là danh từ riêng, do đó nó nhanh chóng giúp người nghe nhận diện được đối tượng được quy chiếu. Ngược lại biểu thức *cô* là danh từ chung. Muốn xác định được nghĩa sở chỉ của biểu thức này, người nghe phải dựa vào biểu thức *Hương* đi trước. Điều này cho thấy biểu thức *Hương* là cơ sở giúp cho sự nhận diện biểu thức *cô*. Vì thế, khi diễn đạt, biểu thức *Hương* sẽ phải xuất hiện trước.

Tóm lại, duy trì chủ đề - đề tài và tạo nên tính logic trong trình tự xuất hiện các đơn vị ngôn ngữ để đảm bảo sự mạch lạc trong văn bản chính là một trong những vai trò của các biểu thức đồng sở chỉ. Có thể hình dung vai trò này qua sơ đồ dưới đây:

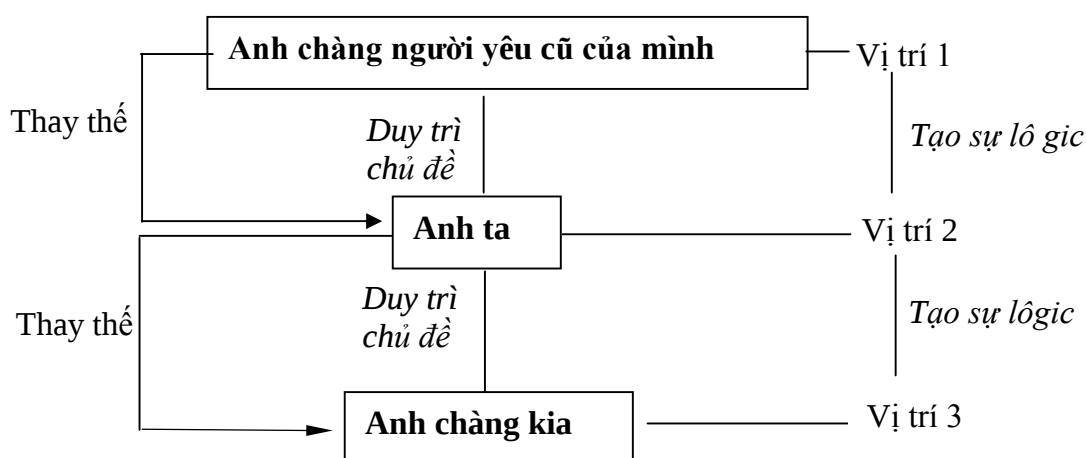
Sơ đồ 3. Biểu hiện tính mạch lạc của các biểu thức đồng sở chỉ



(A, B, C là các biểu thức đồng sở chỉ)

Ví dụ:

(20) “*Cô* bức tức nghĩ đến **anh chàng người yêu cũ của mình**. **Anh ta** chỉ cần nghe tin *Hương* bị phân công lên nơi hẻo lánh này là đã biên thư “dọa” cắt đứt. “Cắt” thì cắt, *cô* chẳng cần. Đúng, tình yêu phải là một điều đẹp để thiêu liêng, chứ đâu nhỏ nhen bần tiện như **anh chàng kia**!” [NNL4, 93]



3. Kết luận

Tóm lại, liên kết và mạch lạc là hai yếu tố quyết định một sản phẩm ngôn ngữ được coi là văn bản điển hình hay không. Và để tạo nên tính liên kết và mạch lạc có sự đóng góp không nhỏ của các biểu thức đồng sở chỉ. Vai trò của chúng thể hiện ở chỗ, về mặt hình thức, chúng là các phương tiện của phương thức thể (phép thể đồng sở chỉ), về mặt nội dung, chúng vừa có giá trị duy trì, phát triển chủ đề - đề tài, vừa tạo nên tính logic về diễn đạt để người nghe có thể dễ dàng lĩnh hội nội dung của văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
3. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở Ngữ dụng học*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003.
4. Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán, *Nhập môn Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007.
5. Halliday M.A.K (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, người dịch: Hoàng Văn Vân, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
7. Đỗ Việt Hùng - Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004.
8. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, 1996.
9. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
10. Nguyễn Đức Tồn, *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Minh Châu, “Bức tranh” trong *Nguyễn Minh Châu truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003.
2. Nguyễn Minh Châu, “Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành” trong *Nguyễn Minh Châu truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003.

3. Nguyễn Minh Châu, “Chiếc thuyền ngoài xa” trong *Nguyễn Minh Châu truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003.
4. Hồ Thủy Giang, “Cô bưu điện Góc Trám” trong *Truyện ngắn chọn lọc*, NXB Văn học, Hà Nội, 2005.
5. Ma Văn Kháng, “Kiếm – chú bé – con người” trong *Ngày đẹp trời*, NXB Lao động, Hà Nội, 1986.
6. Nguyễn Quang Sáng, “Quán rượu người câm” trong *Người đàn bà Tháp Mười*, Ban vận động thành lập Hội Văn nghệ Đồng Tháp, 1986.
7. Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, NXB Đồng Nai, 2001.
8. Xuân Thiều, “Khoảng cách tình cảm” trong *Gió từ miền cát (tập truyện ngắn)*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985.

